

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 408/QĐ-UBND

*Phú Thọ, ngày 26 tháng 02 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trung tâm Sản Nhi trực thuộc  
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 14/TTr-SXD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Sở Xây dựng; Tờ trình số 154/TTr-BV ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt quy hoạch chi tiết Quy hoạch chi tiết Trung tâm Sản Nhi trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ với các nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết Trung tâm Sản Nhi trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

**2. Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

**3. Đơn vị tư vấn:** Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc và xây lắp Hà Nội.

**4. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập Quy hoạch:**

Khu vực lập quy hoạch nằm trên đường Nguyễn Tất Thành thuộc địa bàn phường Nông Trang và phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì. Được giới hạn như sau:

+ Phía Đông Bắc tiếp giáp với trường Đại học Hùng Vương;

+ Phía Đông Nam tiếp giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Tây Bắc tiếp giáp với trường Đại học Hùng Vương;

+ Phía Tây Nam giáp đường Nguyễn Tất Thành;

Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch: 71.552,35m<sup>2</sup>.

**5. Mục tiêu lập quy hoạch:**

- Làm cơ sở cho việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Sản Nhi trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ, phục vụ khám chữa bệnh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận.

- Làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**6. Cơ cấu sử dụng đất:**

Bảng cơ cấu sử dụng đất toàn khu quy hoạch:

| STT                             | Loại đất                                          | Ký hiệu   | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%)    |
|---------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|-----------------------------|--------------|
| <b>1</b>                        | <b>Khối khám chữa bệnh và hành chính, dịch vụ</b> | <b>CT</b> | <b>19.600,45</b>            | <b>27,39</b> |
| <b>2</b>                        | <b>Cây xanh</b>                                   |           | <b>22.995,62</b>            | <b>32,14</b> |
|                                 | Cây xanh cảnh quan                                | CX1       | 6.596,46                    | 9,22         |
|                                 | Cây xanh cảnh quan                                | CX2       | 2.242,35                    | 3,13         |
|                                 | Cây xanh cách ly                                  | CX3       | 5.007,08                    | 7,00         |
|                                 | Cây xanh cảnh quan                                | CX4       | 7.920,19                    | 11,07        |
|                                 | Cây xanh cảnh quan                                | CX5       | 1.229,54                    | 1,72         |
| <b>3</b>                        | <b>Hạ tầng</b>                                    | <b>HT</b> | <b>5.176,94</b>             | <b>7,24</b>  |
| <b>4</b>                        | <b>Mặt nước</b>                                   | <b>MN</b> | <b>1.361,62</b>             | <b>1,90</b>  |
| <b>5</b>                        | <b>Bãi đỗ xe:</b>                                 | <b>P</b>  | <b>5.449,52</b>             | <b>7,62</b>  |
| <b>6</b>                        | <b>Giao thông:</b>                                |           | <b>16.968,20</b>            | <b>23,71</b> |
| <b>Tổng diện tích quy hoạch</b> |                                                   |           | <b>71.552,35</b>            | <b>100</b>   |

**7. Chỉ tiêu sử dụng đất; giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:**

## 7.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cho toàn khu:

- Mật độ xây dựng toàn khu: 13,27%.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu: 0,86 lần.
- Tầng cao công trình: từ 1 đến 9 tầng.

## 7.2. Chỉ tiêu sử dụng đất cho từng lô đất:

| Ký hiệu | Hạng mục                          | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | MĐ XD (%) | Tầng cao | Hệ số sử dụng đất | Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) |
|---------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------|----------|-------------------|---------------------------------|
| CT      | Khối khám chữa bệnh và hành chính | 19.600,45                       | 42        | 3-9      | 3                 | 59.446                          |
| CX1     | Cây xanh cảnh quan                | 6.596,46                        | 0         | 0        | 0                 | 0                               |
| CX2     | Cây xanh cách ly                  | 2.242,35                        | 0         | 0        | 0                 | 0                               |
| CX3     | Cây xanh cách ly                  | 5.007,08                        | 0         | 0        | 0                 | 0                               |
| CX4     | Cây xanh cảnh quan                | 7.920,19                        | 0,9       | 1        | 0,009             | 75                              |
| CX5     | Cây xanh cách ly                  | 1.229,54                        | 1,5       | 1        | 0,01              | 18                              |
| HT      | Hạ tầng                           | 5.176,94                        | 23,2      | 1        | 0,23              | 1200                            |

## 7.3. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Không gian, kiến trúc cảnh quan khu vực quy hoạch tạo sự hài hòa với không gian xung quanh, đồng thời tạo nên hình thái kiến trúc riêng cho khu vực. Chú trọng các không gian mở của hệ thống cây xanh mặt nước, các điểm nhấn kiến trúc. Hệ thống đường giao thông phân chia khu vực thành 3 không gian chính:

+ Khu vực phía trước bố trí cây xanh cảnh quan, đài phun nước, đường dạo vừa tạo cảnh quan dọc theo đường Nguyễn Tất Thành, vừa là dải cách ly tiếng ồn và ô nhiễm không khí.

+ Khu vực trung tâm bao gồm các khối công trình chính: khối khám chữa bệnh, khối hành chính và dịch vụ...được hợp khối với các tuyến giao thông vuông góc thành khoảng sân trong, tạo không gian liên kết giữa các công trình.

+ Khu cây xanh cảnh quan tập trung kết hợp mặt nước được bố trí tại phía sau khu vực lập quy hoạch, tạo ra không gian mở, sinh thái, hình thành lá phổi xanh cho cả khu vực. Không gian này kết hợp với hệ thống cây xanh theo các tuyến đường, cây xanh trong khuôn viên từng công trình tạo ra một diện xanh lớn, đảm bảo về môi trường khám chữa bệnh xanh - sạch - đẹp.

- Khối công trình chính có hình thức kiến trúc hiện đại, là điểm nhấn kiến trúc trong tổng thể khu vực quy hoạch. Màu sắc chủ đạo với gam màu ấm nhẹ, hài hòa với thiên nhiên. Mật độ xây dựng 41%; hệ số sử dụng đất 3 lần; tầng cao công trình từ 3 đến 9 tầng (khối đế cao 3 tầng với chiều cao các tầng là 4,5m, tầng điển hình cao 3,6m); nền nhà so với vỉa hè cao 0,45m.

- Cây xanh trong khu vực ngoài chức năng cách ly, giảm tiếng ồn còn tạo cảnh quan môi trường, tạo nên những không gian thư giãn và nghỉ dưỡng. Không trồng các loại cây có hoa quả thu hút ruồi muỗi, sâu bọ, loại cây dễ đổ, giữ ẩm và loại cây có nhựa độc.

+ Khu vực cây xanh cảnh quan, mặt nước, sân thể thao chung được bố trí ở phía cuối khu đất tạo nên lá phổi xanh cho cả khu vực. Trong khu vực này chỉ trồng cây, làm đường dạo, chòi nghỉ. Sử dụng những cây khóm bụi kết hợp cây bóng mát có tán rộng và cao đảm bảo diện che phủ lớn và có tính thẩm mỹ, kết hợp với chông cây xanh thảm cỏ, trồng các thảm hoa với nhiều màu sắc đa dạng, hệ thống gạch lát thiết kế linh hoạt, thay đổi về loại hình, màu sắc. Cây xanh tập trung tạo không gian mở, kết hợp với hệ thống cây xanh theo tuyến giao thông và cây xanh nội bộ trong khuôn viên từng công trình tạo một diện xanh lớn, đảm bảo không gian xanh cần thiết cho nhu cầu người bệnh.

+ Cây xanh dọc theo các tuyến giao thông được lựa chọn các loại cây có tán, có màu sắc tạo nên cảnh quan cho khu vực, ngăn và giảm tiếng ồn, bụi cho các công trình; các loại thảm cỏ với màu xanh chủ đạo kết hợp trồng hoa thân bụi, kết hợp đặt phù điêu, tượng nghệ thuật.

+ Cây xanh cách ly dọc phía Bắc Nam khu vực lập quy hoạch (tiếp giáp trường Đại học Hùng Vương) và cây xanh trong khuôn viên các công trình được lựa chọn cây có tán trồng theo cụm kết hợp với hệ thống cây xanh vườn hoa tạo cảnh sắc vui tươi.

- Các tuyến hè đường được thiết kế theo các dải tuyến có hình thức màu sắc thay đổi theo chức năng, phần phía ngoài giáp hè đường thiết kế tạo các dải cây xanh bồn hoa nhỏ kết hợp với loại cỏ có tán với khoảng cách 5,0m đến 7,0m một cây tạo bóng mát và có tính định hướng cho các tuyến đường. Khoảng giữa rộng 2,5m đến 3m lát gạch block tạo màu thành lối đi bộ. Phần tiếp giáp tường rào các công trình được thiết kế tạo thành các thảm trồng cỏ xen lẫn các bụi hoa nhiều màu làm tôn thêm vẻ đẹp mặt đứng các công trình. Cốt hệ thống mặt hè cao hơn cốt đường từ 0,1m; cốt nền công trình cao hơn cốt hè tối thiểu 0,15m. Chỉ giới đường đỏ xác định cụ thể theo từng tuyến giao thông.

- Cổng và tường rào có hình thức kiến trúc thoáng nhẹ, mỹ quan và thống nhất; Phần tường rào trông ra đường phố từ độ cao 0,6m trở lên thiết kế thông thoáng. Phần này chiếm tối thiểu 60% diện tích mặt phẳng đứng của tường rào.

- Các hạng mục công trình phụ trợ (trạm điện, trạm xử lý nước thải...) cao 1 tầng được quy hoạch phía sau khuôn viên bệnh viện, có hình thức kiến trúc đơn giản, kết hợp hài hòa không gian cây xanh cách ly, cây xanh sân vườn tạo thể thống nhất.

- Các kiến trúc nhỏ, các tiện ích công cộng (khối điều khiển, đèn trang trí, bồn cây, thùng rác, biển hướng dẫn, quảng cáo...): Bố trí không làm ảnh hưởng đến tuyến giao thông, tầm nhìn, đảm bảo tính thẩm mỹ.

## **8. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:**

### **8.1. Chuẩn bị kỹ thuật:**

Cao độ khống chế tìm các tuyến đường quy hoạch được xác định:  $H_{\max} = 21,0$  m tại khu vực giáp trường Đại học Hùng Vương;  $H_{\min} = 19,08$  m tại khu vực phía Đông khu quy hoạch.

Cốt nền xây dựng các lô đất xác định trên cơ sở khống chế tìm đường quy hoạch ở xung quanh, được thiết kế theo phương pháp đường đồng mức với độ chênh cao  $DH = (0,1 \div 0,2)$  m. Cao độ san nền cao hơn cao độ mép đường khoảng từ 10cm. Độ dốc nền thiết kế  $i \geq 0,004$  để đảm bảo thoát nước tự chảy. Cao độ khống chế nền lô đất:  $H_{\min} = 19,20$  m;  $H_{\max} = 21,0$  m.

Hướng dốc san nền theo hướng từ trong ra ngoài, dốc ra đường Nguyễn Tất Thành và dốc về phía Ao cuối khu quy hoạch. Độ dốc nền các ô đất hướng dốc dần về phía đường giao thông và hệ thống thu thoát nước.

Sử dụng tường chắn và taluy để xử lý độ chênh cao giữa khu vực quy hoạch với khu vực hiện trạng xung quanh.

### **8.2. Giao thông:**

- Mạng lưới đường giao thông bao gồm các tuyến đường:

+ Mặt cắt 1-1: Chiều rộng  $B=13,5$ m, bao gồm lòng đường 7,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

+ Mặt cắt 2-2: Chiều rộng  $B=13,5$ m, bao gồm lòng đường 7,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

+ Mặt cắt 3-3: Chiều rộng  $B=24$ m, bao gồm lòng đường 18,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

+ Mặt cắt 4-4: Chiều rộng  $B=22,2$ m, bao gồm lòng đường 16,2m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

- Các tuyến đường trong khu vực quy hoạch mặt bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa, độ dốc ngang đường 0,2%.

- Bãi đỗ xe: Xây dựng 01 bãi đỗ xe cấp cứu diện tích  $250\text{m}^2$ , 01 bãi đỗ xe tập trung diện tích:  $5.449,52\text{ m}^2$ .

### **8.3. Cấp điện:**

- Nguồn điện: Lấy từ đường dây 22KV hiện có chạy trên tuyến đường Nguyễn Tất Thành.

- Nhu cầu sử dụng điện: 2.312 kW.

- Mạng lưới cấp điện:

+ Xây dựng các tuyến cáp ngầm trung thế 22KV đầu nối từ nguồn cấp phía Nam, bố trí ngầm dọc các tuyến đường quy hoạch để cấp nguồn đến trạm biến áp có công suất 2x1.500 KVA đặt tại lô đất hạ tầng kỹ thuật nằm phía Đông Nam khu vực lập quy hoạch.

+ Xây dựng các tuyến cáp ngầm hạ thế 0,4KV dọc hè các tuyến đường quy hoạch đầu nối từ trạm biến áp đến các phụ tải dùng điện và cấp nguồn chiếu sáng dọc các tuyến đường quy hoạch.

#### 8.4. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch lấy từ đường ống cấp nước hiện có trên đường Nguyễn Tất Thành.

- Nhu cầu sử dụng nước: 518 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Mạng lưới đường ống cấp nước sinh hoạt, tưới cây được thiết kế theo dạng mạng hở. Nước từ mạng cấp nước của thành phố được dẫn qua hệ ống cấp nước D110 xây dựng dọc theo trục đường giao thông cấp vào bể nước ngầm được bố trí cạnh trạm điện, nước. Nước từ bể ngầm được đưa lên kết má công qua trạm bơm tăng áp. Ống cấp nước cho khối công trình chính có đường kính D100, ống cấp nước tưới cây có kích thước Φ25mm đến Φ63mm.

- Cấp nước chữa cháy thiết kế riêng với cấp nước sinh hoạt. Mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy với đường kính D100 được thiết kế theo kiểu mạng kín.

#### 8.5. Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải, thiết kế trên nguyên tắc tự chảy. Khu vực được phân chia làm 2 lưu vực chính: Lưu vực 1 có diện tích khoảng 3ha thoát ra hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Tất Thành; Lưu vực 2 có diện tích khoảng 4,1ha thoát ra khu vực Ao phía Đông Bắc (Hồ đập 12). Bố trí hệ thống rãnh thu nước hở B500 tại khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng.

Mạng lưới các tuyến cống thoát nước mưa sử dụng hệ thống cống BTCT D400 ÷ D1000 đặt 2 bên vỉa hè. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra... theo quy định hiện hành.

#### 8.6. Thoát nước thải, rác thải y tế và rác thải sinh hoạt:

- Nước thải được thu gom vào hệ thống thoát nước xây dựng riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được xử lý sơ bộ tại nơi phát sinh đúng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định (nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các công trình; nước thải khám điều trị được xử lý hóa lý, nước thải từ bếp ăn qua bể tách rác, dầu mỡ) được thoát vào hệ thống cống tròn bê tông cốt thép, tiết diện D300 dẫn về trạm xử lý nước thải có công suất 450m<sup>3</sup>/ngđ nằm phía Đông khu vực quy hoạch. Nước thải sau khi được xử lý, khử trùng đảm bảo yêu cầu theo quy định tại cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28 :2010/BTNMT) sau đó được dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố.

- Rác thải y tế được phân loại ngay từ đầu tại nguồn phát sinh và được chứa trong thùng riêng đảm bảo đúng quy định. Sau khi được phân loại sẽ được thu gom, tập trung tại phòng riêng tại nơi tập trung rác thải, sau đó được vận chuyển bằng xe chuyên dụng về Bệnh viện đa khoa tỉnh để xử lý theo quy định.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom về nơi tập trung rác thải, được Công ty cổ phần môi trường dịch vụ đô thị thu gom hàng ngày và vận chuyển về khu xử lý rác thải theo quy định.

### **9. Giải pháp bảo vệ môi trường:**

Trong quá trình hoạt động, Trung tâm Sản Nhi phải đảm bảo thực hiện đúng theo giải pháp thiết kế về thu gom xử lý nước thải, rác thải y tế, rác thải sinh hoạt đã được xác định trong đồ án quy hoạch. Có biện pháp giám sát, theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường với các trọng tâm, trọng điểm hợp lý, cảnh báo kịp thời các diễn biến bất thường hay các nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường để có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề về môi trường. Thường xuyên tuyên truyền, xây dựng nội quy, uy chế nhằm nâng cao ý thức của cán bộ cũng như người dân trong việc bảo vệ môi trường.

### **10. Tiến độ và nguồn vốn thực hiện:**

- Tiến độ thực hiện quy hoạch:
- + Năm 2015-2018: Đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật và các công trình thuộc giai đoạn 1 của dự án.
- + Sau năm 2018: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình còn lại.
- Nguồn lực thực hiện. Vốn tự có của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:** Ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết được duyệt; chịu trách nhiệm quản lý xây dựng theo đúng quy định về quản lý quy hoạch, kiến trúc và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì; Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Kế San**